

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Công Hạnh;

Ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thuỳ Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Võ Hoàng M, sinh năm: 1994;

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Huệ T, sinh năm 1999;

Cùng cư trú tại: số M đường N, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Anh M có mặt; chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Võ Hoàng M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Huệ T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Bản tự khai và Đơn trình bày ngày 10/3/2023, bị đơn chị Nguyễn Huệ T trình bày: Chị thống nhất việc kết hôn như anh M trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; tháng 8/2022, chị và anh M không còn sống chung cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M nộp đơn xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện đi làm xa không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Huệ T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Võ Hoàng M và bị đơn chị Nguyễn Huệ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Không có nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Võ Hoàng M được ly hôn với chị Nguyễn Huệ T.

2. Về nuôi con chung: Không có nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Võ Hoàng M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0007948 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND Phường K, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa